

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp chứng chỉ công nhận

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HTCCLVN ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Hội Khoa học và Kỹ thuật về Tiêu chuẩn và Chất lượng Việt Nam về việc thành lập Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HTCCLVN ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chủ tịch Hội Khoa học và Kỹ thuật về Tiêu chuẩn và Chất lượng Việt Nam về việc Ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận số 622/GCN-BKHCN ngày 6 tháng 12 năm 2024 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về đăng ký hoạt động công nhận của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam đối với hoạt động công nhận;

Căn cứ kết quả đánh giá và thẩm xét hồ sơ đánh giá.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận Phòng thí nghiệm:

Phòng thử nghiệm đất

thuộc Công ty TNHH Nghiên cứu, ứng dụng mía đường Thành Thành Công Phù hợp theo yêu cầu Tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 đối với phạm vi đăng ký Công nhận cho lĩnh vực Hóa học tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Phòng thử nghiệm được sử dụng dấu công nhận: **VALAS 206**.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực vào ngày 12 tháng 02 năm 2031.

Điều 3. Văn phòng, phòng Nghiệp vụ 2, Tổ chức và Phòng thí nghiệm nêu ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận

- Như trên;
- Lưu: P.NV.



VIỆN TRƯỞNG

Phan Minh Hải

Ghi chú: "Phòng thử nghiệm đất - Công ty TNHH Nghiên cứu, ứng dụng mía đường Thành Thành Công cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này".

PHỤ LỤC
ATTACHMENT

(Kèm theo quyết định số: 316/QĐ-VACI ngày 13 tháng 02 năm 2026
của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam)



Phòng thử nghiệm: Phòng thử nghiệm đất

Laboratory: Soil Testing Laboratory

Cơ quan chủ quản: Công ty TNHH Nghiên cứu, ứng dụng mía đường Thành Thành Công

Holding organization: Thanh Thanh Cong SugarCane Research and Development Company Limited

Lĩnh vực: Thử nghiệm Hóa học

Field: Chemical Testing

Người phụ trách/Representative: Nguyễn Tây Khoa

Người có thẩm quyền ký/Approved signatory:

TT/No	Họ và tên/Full name	Phạm vi được ký/Scope
1.	Nguyễn Tây Khoa	Tất cả các phép thử được công nhận All accredited tests
2.	Hoàng Văn Hiệu	Tất cả các phép thử được công nhận All accredited tests

Số hiệu/Code: VALAS 206

Hiệu lực công nhận/Period of Validation: 12/ 02/ 2031

Địa chỉ trụ sở/Head office address:

Số 99, quốc lộ 22B, ấp Bình Hoà, xã Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

No 99, National road 22B, Hoa Binh hamlet, Chau Thanh commune, Tay Ninh province, Vietnam

Địa chỉ phòng thí nghiệm/Laboratory address:

Số 99, quốc lộ 22B, ấp Bình Hoà, xã Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

No 99, National road 22B, Hoa Binh hamlet, Chau Thanh commune, Tay Ninh province, Vietnam

Số điện thoại/Phone: 0276 3 712 975

Email: khoant@ttcagris.com.vn

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa học

Field of testing: Chemical

TT/ No	Tên sản phẩm/ vật liệu được thử/ Name of product/material I tested	Tên phép thử cụ thể/ Specific test name	Phạm vi đo/ Giới hạn định lượng (nếu có)/ Measuring range/Quantification limit (if any)	Phương pháp thử/ Test method
1.	Đất Soild	Xác định pH - Xử lý mẫu trong H ₂ O <i>Determining pH - Sample treatment in water</i>	2 đến 12 (2 to 12)	TCVN 5979:2021
2.		Xác định pH - Xử lý mẫu trong KCl <i>Determining pH - Sample treatment in KCl</i>	2 đến 12 (2 to 12)	TCVN 5979:2021
3.		Xác định hàm lượng Các bon hữu cơ tổng số <i>Determination of total Organic Carbon content</i> Phương pháp Walkley Black <i>Walkley Black method</i>	0.05 % (m/m)	TCVN 8941:2011
4.		Xác định hàm lượng Nito tổng <i>Determination of total Nitrogen content</i> Phương pháp Kjeldahl cải biên <i>Modified Kjeldahl method</i>	0.0015 % (m/m)	TCVN 6498:1999

TT/ No	Tên sản phẩm/ vật liệu được thử/ Name of product/material I tested	Tên phép thử cụ thể/ Specific test name	Phạm vi đo/ Giới hạn định lượng (nếu có)/ Measuring range/Quantification limit (if any)	Phương pháp thử/ Test method
5.		Xác định hàm lượng Phospho tổng số <i>Determination of Phosphorus content</i> Phương pháp so màu <i>Color matching method</i>	6.4 mg/kg	SRDC/PTĐ/HD-05 (Ref. TCVN 8940:2011)
6.		Xác định hàm lượng Phospho dễ tiêu <i>Determine the content of readily available phosphorus</i>	0.25 mg/kg	TCVN 5256:2009
7.		Xác định hàm lượng Kali tổng số <i>Determine the total potassium content</i>	0.05 % (m/m)	SRDC/PTĐ/HD-07 (Ref. TCVN 8660:2011)
8.	Đất <i>Soild</i>	Xác định hàm lượng Kali dễ tiêu <i>Determine the amount of readily available potassium</i>	20.0 mg/kg	SRDC/PTĐ/HD-08 (Ref. TCVN 8662:2011)
9.		Xác định hàm lượng Canxi tổng số <i>Determination of total calcium content</i> Phương pháp quang phổ phát xạ <i>Emission spectroscopy method</i>	0.05 % (m/m)	SRDC/PTĐ/HD-09 (Ref. TCVN 6496:2009)

TIẾP
VI
ÔNG
HẤT
VIỆT
KH
IỜ

TT/ No	Tên sản phẩm/ vật liệu được thử/ <i>Name of product/material l tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>Specific test name</i>	Phạm vi đo/ Giới hạn định lượng (nếu có)/ <i>Measuring range/Quantification limit (if any)</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
10.		Xác định hàm lượng Magie tổng số <i>Determination of total Magnesium content</i> Phương pháp quang phổ phát xạ <i>Emission spectroscopy method</i>	0.025 % (m/m)	SRDC/PTĐ/HD-11 (Ref. TCVN 6496:2009)
11.		Xác định hàm lượng Mangan tổng số <i>Determination of total Manganese content</i> Phương pháp quang phổ phát xạ <i>Emission spectroscopy method</i>	0.004 % (m/m)	SRDC/PTĐ/HD-15 (Ref. TCVN 6496:2009)
12.	Đất <i>Soild</i>	Xác định hàm lượng Molypden tổng số <i>Determination of total Molybdenum content</i> Phương pháp quang phổ phát xạ <i>Emission spectroscopy method</i>	0.003 % (m/m)	SRDC/PTĐ/HD-19 (Ref. TCVN 6496:2009)
13.		Xác định hàm lượng Kẽm tổng số <i>Determination of total Zinc content</i> Phương pháp quang phổ phát xạ <i>Emission spectroscopy method</i>	0.005 % (m/m)	SRDC/PTĐ/HD-16 (Ref. TCVN 6496:2009)

CHU
Đ
NH
LƯ
NAM
★

TT/ No	Tên sản phẩm/ vật liệu được thử/ <i>Name of product/material I tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>Specific test name</i>	Phạm vi đo/ Giới hạn định lượng (nếu có)/ <i>Measuring range/Quantification limit (if any)</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
14.		Xác định hàm lượng Đồng tổng số <i>Determination of total Copper content</i> Phương pháp quang phổ phát xạ <i>Emission spectroscopy method</i>	0.002 % (m/m)	SRDC/PTĐ/HD-17 (Ref. TCVN 6496:2009)
15.		Xác định hàm lượng Coban tổng số <i>Determination of total Cobalt content</i> Phương pháp quang phổ phát xạ <i>Emission spectroscopy method</i>	0.003 % (m/m)	SRDC/PTĐ/HD-18 (Ref. TCVN 6496:2009)
16.	Đất <i>Soild</i>	Xác định Cation bazơ trao đổi (Ca^{2+}) <i>Determination of base cation exchange (Ca^{2+})</i>	20.0 mg/kg	SRDC/PTĐ/HD-10 (Ref. TCVN 8569:2010)
17.		Xác định Cation bazơ trao đổi (Mg^{2+}) <i>Determination of base cation exchange (Ca^{2+})</i>	10.0 mg/kg	SRDC/PTĐ/HD-12 (Ref. TCVN 8569:2010)
18.		Xác định Cation bazơ trao đổi (Na^{2+}) <i>Determination of base cation exchange (Ca^{2+})</i>	10.0 mg/kg	SRDC/PTĐ/HD-13 (Ref. TCVN 8569:2010)
19.		Xác định hàm lượng Bo hòa tan <i>Determination of soluble Boron content</i>	0.40 mg/kg	SRDC/PTĐ/HD-20 (Ref. TCVN 13263-7:2020)

VACI
 G
 VIỆT

TT/ No	Tên sản phẩm/ vật liệu được thử/ <i>Name of product/material I tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>Specific test name</i>	Phạm vi đo/ Giới hạn định lượng (nếu có)/ <i>Measuring range/Quantification limit (if any)</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
20.		Xác định hàm lượng Silic hòa tan <i>Determination of soluble Silicon content</i>	0.02 % (m/m)	SRDC/PTĐ/HD-21
21.		Xác định hàm lượng Lưu huỳnh tổng số <i>Determination of total sulfur content</i>	0.012 % (m/m)	SRDC/PTĐ/HD-14 (10 TCN 456:2001)
22.	Đất <i>Soild</i>	Xác định thành phần cấp hạt <i>Determination of particle size distribution</i>	-	TCVN 8567:2010

Ghi chú/Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnam standard*;
- SRDC/PTĐ/HD: Phương pháp nội bộ/ *Inhouse method*.
- Ref: Tham chiếu/*Reference*.
- % (m/m): Phần trăm khối lượng/ *Percentage by weight*.

Trường hợp Phòng thử nghiệm đất - Công ty TNHH Nghiên cứu, ứng dụng mía đường Thành Thành Công cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm hàng hóa thì phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/*In case of providing product quality testing services, Soil Testing Laboratory - Thanh Thanh Cong SugarCane Research and Development Company Limited must register and be granted a certificate of operation registration in accordance with the law before providing this service.*